| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÁNH LINH**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 06 – 2023
"Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Văn Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tiến.

2. Ông Trần Tuất.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 01 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Bản 3, xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: Bản 2, xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hà Văn Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Bản 3, xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do.

*3. Người có quyền lợi liên quan:*

- Cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009;

- Cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011;

- Cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015;

- Cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019;

Cùng địa chỉ: Bản 2, xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Cháu P, cháu S, chám P1, cháu T đều vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ 2009 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân là do anh Q ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị H ngoại tình với người khác; từ đó anh Q thường xuyên uống rượu say xỉn rồi đập phá đồ đạc của gia đình, gây rỗ, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của chị H. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Đến năm 2020, do không thể tiếp tục chung sống với anh Q nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Hiện nay, chị H không còn yêu thương anh Q, không thể tiếp tục chung sống với anh Q nên chị H cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn Q có 04 người con chung gồm: cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009, cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011, cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015 và cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019. 04 người con chung này đều sống ở với chị H từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay và được chị H nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt. Trong thời gia chị H nuôi con, anh Q thường xuyên uống rượu say xỉn, không quan tâm chăm sóc con và cũng không phụ giúp chị H nuôi dưỡng con. Hiện nay, chị H đang làm nhân viên phụ bếp nấu ăn cho Nhà hàng Tre Việt với mức lương trung bình là 7.000.000đ/tháng; anh Q hiện nay không có công việc làm ổn định. Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

*[2]. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy Định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Hà Văn Q đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh Q và không tiến hành hòa giải được.*

*[3]. Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi liên quan cháu Hà Thị Hiền P, cháu Hà Thị Kim S và cháu Hà Thị Uyên P1 đều trình bày:*

Thời gian qua cháu P, cháu S và cháu P1 thấy cha mẹ của các cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải nhau; cha của các cháu thường uống rượu rồi đánh đập mẹ của các cháu; cha mẹ của các cháu cũng không còn chung sống với nhau khoảng 2 – 3 năm nay.

Nếu cha mẹ của các cháu ly hôn thì cháu H, cháu S và cháu P1 đều có nguyện vọng được sống với mẹ của các cháu vì từ trước tới giờ các cháu đều sống với mẹ, mẹ của các cháu quan tâm, chăm sóc các cháu tốt hơn; cha của các thường xuyên uống rượu say xỉn rồi chửi mắng các cháu, không chăm sóc cho các cháu.

*[4]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án*:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011 ngày 09/12/2011, 01 Giấy khai sinh (Bản sao) số 10 ngày 26/01/2021, 01 Giấy khai sinh số 98/2011 ngày 09/12/2011 (Bản sao chứng thực ngày 13/02/2023), 01 Trích lục khai sinh (Bản sao) số 116/TLKS-BS ngày 14/8/2018 và 01 Giấy khai sinh số 133 ngày 29/9/2020 (Bản sao chứng thực ngày 14/02/2023) của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã L về quan hệ hôn nhân, việc nuôi con của vợ chồng chị Trần Thị H, anh Hà Văn Q và lập Biên bản xác minh ngày 15/03/2023 (Bút số 29).

*[5]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:* Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H; xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q; giao cho chị Trần Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 04 người con chung gồm: cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009, cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011, cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015 và cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019 cho đến khi thành niên; buộc chị H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1]. Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hà Văn Q và những người có quyền lợi liên quan cháu Hà Thị Hiền P, cháu Hà Thị Kim S, cháu Hà Thị Uyên P1, cháu Hà Thị Uyên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

*[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung vụ án:*

*[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, ngày 09/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (bút lục số 06) mà nguyên đơn chị Trần Thị H đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị Trần Thị H; có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn Q tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Q là hợp pháp. Vì vậy, chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Trần Thị H xác định: Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng; anh Q ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị H, từ đó thường xuyên uống rượu say xỉn rồi gây rỗ, đánh đập chị H, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm hoặc liên lạc với nhau. Những người con chung của chị H, anh Q gồm cháu P, cháu S, cháu P1 và cháu T cũng trình bày: trong quá trình chung sống, anh Q thường xuyên uống rượu rồi gây rỗ, đánh đập chị H và vợ chồng không còn sống chung từ 02-03 năm nay. Tại biên bản xác minh lập ngày 15/03/2023 (Bút số 29), địa phương xã L, huyện Tánh Linh cũng đã cung cấp thông tin: Khoảng năm 2018, anh Q thường xuyên uống rượu rồi gây gỗ, chửi mắng chị H và đập phá đồ đạc trong gia đình; từ năm 2020 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Ngoài ra trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ, còn anh Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được; điều này cho thấy chị H và anh Q không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Vợ chồng chị H, anh Q đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu giải quyết ly hôn

là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn với anh Q.

*[3.2] Về con chung:*

Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 10 ngày 26/01/2021, Giấy khai sinh số 98/2011 ngày 09/12/2011, Trích lục khai sinh (Bản sao) số 116/TLKS-BS ngày 14/8/2018 và Giấy khai sinh số 133 ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận mà nguyên đơn chị Trần Thị H đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị Trần Thị H; có đủ cơ sở xác định được: chị H và anh Q có 04 người con chung gồm: cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009, cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011, cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015 và cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019.

Căn cứ thông tin địa phương xã L, huyện Tánh Linh đã cung cấp tại Biên bản xác minh ngày 15/03/2023 (Bút số 29); căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị H và những người con chung của chị H, anh Q. Có đủ cơ sở xác định được: cháu P, cháu S, cháu P1 và cháu T đều sống với chị H từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay; đã gần gũi, quen thuộc, ổn định với nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, môi trường giáo dục và cuộc sống với chị H. Ngoài ra, quá trình tố tụng, anh Hà Văn Q đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, nguyện vọng, thực hiện quyền yêu cầu của mình về việc nuôi con. Hơn nữa hiện nay cháu Phương, cháu Sa, cháu Phấn đều có nguyện vọng được sống với chị H. Do đó, yêu cầu của chị H về việc nuôi con là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận; xử giao cho chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 người con chung gồm: cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009, cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011, cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015 và cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019 cho đến khi thành niên, anh Hà Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*[4] Về án phí:* Cần căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:* Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H:

Về việc ly hôn: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q.

Về việc nuôi con: Giao cho chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 người con chung gồm: cháu Hà Thị Hiền P, sinh ngày 19/10/2009, cháu Hà Thị Kim S, sinh ngày 05/9/2011, cháu Hà Thị Uyên P1, sinh ngày 23/07/2015 và cháu Hà Thị Uyên T, sinh ngày 09/8/2019 cho đến khi thành niên. Anh Hà Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.] Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011704 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã L (thay TB);
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Khánh**